

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 142/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Văn S, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, tỉnh Khánh Hòa

- Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị T tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận vào năm 2003 (Nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Khánh Hòa). Vợ chồng ông S và bà T chung sống không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ lúc mâu thuẫn cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông S và bà T không đồng ý trở về chung sống với nhau, ông S và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng Vân A, sinh ngày: 28/8/2003 và Lê Thành K, sinh ngày 26/3/1994. Khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận:

+ Đối với con chung tên Lê Hoàng Vân A, sinh ngày: 28/8/2003 (đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc được) nên ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đối với con chung Lê Thành K, sinh ngày 26/3/1994 (khuyết tật không thể lao động tự túc được), bà Huỳnh Thị T đồng ý giao cho ông Lê Văn S trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Huỳnh Thị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do ông Lê Văn S không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị T, mỗi người phải chịu 150.000^d (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị T thuận tình ly hôn.
- Về con chung:

Bà Huỳnh Thị T đồng ý giao con chung Lê Thành K, sinh ngày 26/3/1994 (khuyết tật không thể lao động tự túc được) cho ông Lê Văn S trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Huỳnh Thị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do ông Lê Văn S không yêu cầu.

Đối với con chung Lê Hoàng Vân A, sinh ngày 28/8/2003 (đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc được), ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001990 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Khánh Hòa;
- THADS khu vực 5 – Khánh Hòa;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Lâm Sơn, tỉnh Khánh Hòa (GCNKH Số 06, quyền số 01/2003 ngày 17/3/2003);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đường Nguyễn Thanh Thảo